



CÔNG TY CỔ PHẦN VNG/ *VNG CORPORATION*

ĐỊA CHỈ: 52 NGUYỄN NGỌC LỘC, PHƯỜNG 14, QUẬN 10, TP. HỒ CHÍ MINH
ADDRESS: 52 NGUYEN NGOC LOC, WARD 14, DISTRICT 10, HO CHI MINH CITY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2017
ANNUAL REPORT FOR FISCAL YEAR 2017

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 4 NĂM 2018
HO CHI MINH CITY, APRIL 2018

I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

- Tên giao dịch/ *Trading name*: VNG Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No.*: 0303490096
- Vốn điều lệ: 337.220.560.000 VNĐ (Ba trăm ba mươi bảy tỷ hai trăm hai mươi triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng)
Charter capital: VND 337,220,560,000 (Three hundred thirty seven billion, two hundred twenty million, five hundred sixty thousand dong)
- Vốn chủ sở hữu: 3.478.135.423.674 VNĐ (Ba ngàn bốn trăm bảy mươi tám tỷ một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi bốn đồng)
Owner's equity: VND 3,478,135,423,674 (Three thousand four hundred and seven eight billion, one hundred and thirty five million, four hundred and twenty three thousand, six hundred and seventy four dong)
- Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Address: 52 Nguyen Ngoc Loc street, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Số điện thoại/ *Telephone*: 028.38664666
- Số fax/ *Fax*: 028. 39624666
- Website: www.vng.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any)*: Không có/ *Not applicable*

Quá trình hình thành và phát triển/ *Incorporation and development process*

- Công Ty Cổ Phần VNG (“Công Ty”/ “VNG”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303490096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9/9/2004 và thay đổi lần thứ 35 ngày 13/9/2017.

VNG Corporation (“Company/VNG”) is duly established and existing under the laws of Vietnam with business registration number 0303490096 and firstly issued by Ho Chi Minh City’s Department of Planning and Investment dated on 9/9/2004 and the 35th change on 13/09/2017.

- Kể từ ngày thành lập cho đến nay, Công Ty đã có những bước phát triển vượt bậc, từ một Công Ty chuyên về trò chơi trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam, cho đến hiện nay, là

một trong những công ty công nghệ, giải trí, dịch vụ internet, sản xuất phần mềm hàng đầu tại Việt Nam. Công Ty đã và đang cung cấp cho cộng đồng các sản phẩm giải trí chất lượng cao như: cổng thông tin và giải trí Zing, mạng xã hội Zing Me, trang web nghe nhạc trực tuyến Zing Mp3, trang web giải trí trực tuyến Zingtv. Trong những năm gần đây, VNG đã mở rộng và phát triển nhiều sản phẩm chất lượng cao ứng dụng trên điện thoại di động như: Zalo, Zingtv, Zing Mp3, Zing News Mobile, La Ban Browser để phục vụ nhu cầu giải trí, học tập qua ứng dụng điện thoại ngày càng cao tại Việt Nam.

Since establishment, the Company has dramatically developed from the first Vietnamese online gaming company to one of the best technology, entertainment, internet service, software development company in Vietnam. The Company has provided to the community a wide range of entertainment products with high quality: Zing information and entertainment gate, Zing Mp3 online music website, Zingtv entertainment website. Recently, VNG has expanded and developed a more high-quality product on mobile platform – Zalo, Zingtv, Zing Mp3, Zing News Mobile, La Ban Browser to name a few, that are serving more and more demand of entertainment services, education through mobile applications in Vietnam.

- Ngày 29/01/2011, Công Ty đã được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐD-NV của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

On 29/01/2011, the Company was approved to become a public company in accordance with official letter No. 80/CQĐD-NV issued by State Securities Commission of Vietnam.

- Tháng 04/2011, VNG là doanh nghiệp duy nhất được vinh danh “Doanh nghiệp nội dung số có sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt Nam thành công nhất”.

In April 2011, VNG was the only company honored as “Digital content enterprise that has the most successful Vietnamese-branded products and services”.

- Tháng 05/2014, VNG được vinh danh “Doanh nghiệp phát triển nhanh toàn cầu tại khu vực Đông Á” tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới tổ chức ở Manila, thủ đô Philippines.

In May 2014, VNG was honored as “Global Fast-Growing Enterprise in East Asia” at the World Economic Forum held in Manila, the Philippines capital.



- Cùng với quá trình phát triển, để đáp ứng nhu cầu về vốn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ của Công Ty đã không ngừng tăng lên. Từ ngày thành lập cho đến nay, vốn điều lệ của Công Ty đã tăng lên đáng kể, từ 15 tỷ đồng năm 2004 cho đến cuối năm 2017 vốn điều lệ Công Ty đã tăng lên hơn 337 tỷ đồng; điều này là một minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và bền vững của Công Ty.

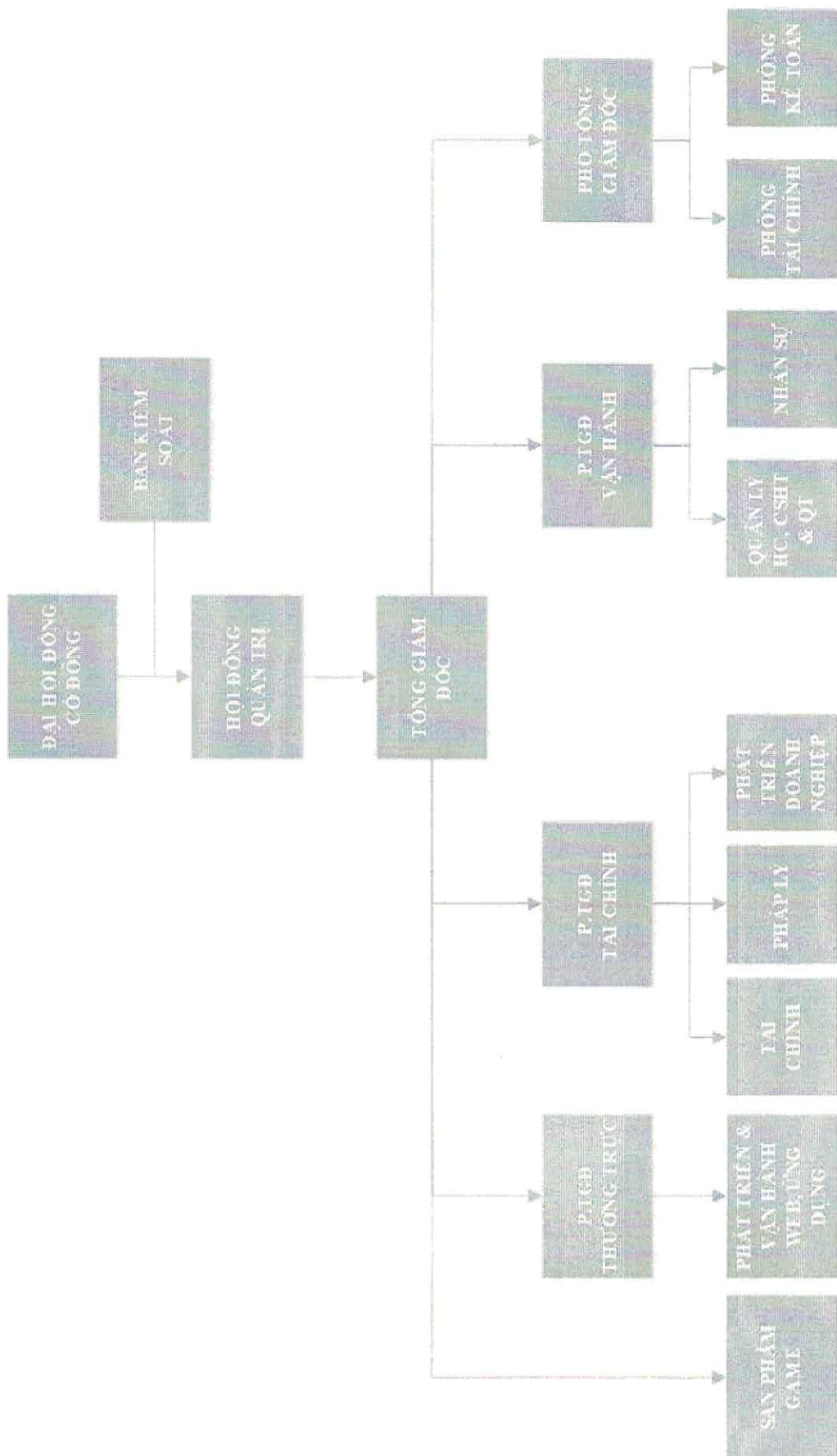
Together with the development, to meet the need of capital for expanding the business, Charter Capital of the Company has been growing, from 15 billion dongs in 2004 to more than 337 billion dongs in 2017, demonstrating the strong, fast and sustainable growth.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business*

- Ngành nghề kinh doanh chính/*Main business lines*:
 - Xuất bản phần mềm: sản xuất, tư vấn và cung cấp phần mềm;
Software production: producing, advising and providing software;
 - Kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng/*Online gaming*
 - Quảng cáo thương mại/*Advertising*
- Địa bàn kinh doanh/ *Locations of business*: Toàn quốc/ *nation wide*.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

3.1 Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý/ *Governance Model and Management structure*



3.2 Công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:*

a) Công Ty con/*Subsidiaries:*

TT	Thông tin công ty/ <i>Company information</i>
1	<p>Công Ty Cổ Phần Zion/<i>Zion Joint Stock Company</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh. <i>Address: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh city.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ trung gian thanh toán. <i>Main business lines: intermediary payment services.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 90.075.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate:</i> 99,98% vốn điều lệ.
2	<p>Công Ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Và Phần Mềm ViNa <i>Vina Technology & Software One Member Company Limited</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hoà Lạc, km29 đường Láng Hoà Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội. <i>Address: High tech industrial park – Hoa Lac high tech park, km29 Lang Hoa Lac street, Ha Bang Commune, Thach That District, Ha Noi City.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê máy chủ, thông tin mạng và dịch vụ xử lý dữ liệu. <i>Main business lines: server leasing, online information and data processing.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 61.140.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate:</i> 100% vốn điều lệ.
3	<p>Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na <i>Vi Na Net Services Joint Stock Company</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh. <i>Address: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh city.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông. <i>Main business lines: value-added services on mobile and internet.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 77.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate:</i> 99,5% vốn điều lệ.

4	<p>Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na Vi Na Data Information Technology – Service Joint Stock Company</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Toà nhà Helios, Lô 6, đường số 3, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh. <i>Address: Helios tower, Lot 6, Street 3, Quang Trung Software City, Tan Chanh Hiep Ward, District 12, Ho Chi Minh city.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin. <i>Main business lines: information technology services.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 180.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate</i>: 99,94% vốn điều lệ.
5	<p>Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG VNG Software Development Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh <i>Address: 182 Le Dai Hanh, Ward 15, District 11, Ho Chi Minh City.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và phát triển phần mềm các loại. <i>Main business lines: software production and development.</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 60.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ.
6	<p>Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI EPI Joint Stock Company</p> <p>Địa chỉ: Tầng 5, ô D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội <i>Address: Floor 5, D29 slot, Cau Giay new city, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Ha Noi City.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông <i>Main business lines: Online advertisement services, website design, software and media technology</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 1.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ

7


7	<p>Công Ty TNHH VNG Online VNG Online Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Trung tâm Báo chí học đường Báo Sinh Viên Việt Nam – Lô đất D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội - <i>Address: Floor 7, Vietnamese Student Newspaper Center, D29 slot, Cau Giay new city, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Ha Noi City.</i> - Lĩnh vực sản xuất chính: Cung cấp dịch vụ cổng thông tin, quảng cáo; <i>Main business lines: Provide services of information portal, advertising;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 1.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate:</i> 100% vốn điều lệ
8	<p>Công Ty VNG Singapore Pte Ltd. VNG Singapore Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ/<i>Address:</i> 80 Raffles Place, #25-01 UOB Plaza 1, Singapore (048624) - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi; - <i>Main business lines: Develop, distribute softwares, devices and computer components; provide services related to software and after-sales;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 149.607.935.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate:</i> 99,94% vốn điều lệ.
9	<p>Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh Minh Phuong Thinh Communication Company Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 229 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng/ <i>Address: 229 Huynh Ngoc Hue St., Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang City</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xuất bản phần mềm; <i>Main business lines: Software publishing;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 6.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate:</i> 100% vốn điều lệ

10	<p>Công Ty TNHH Giải Trí Long Đỉnh <i>Dragon Top Entertainment Company Limited</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tầng 12A-14, Tòa nhà Văn phòng 165, Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội <i>Address: 12Ath -14th floor, Office Building, 165 Thai Ha, Lang Ha Ward, Dong Da District, Ha Noi City.</i> Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; <i>Main business lines: online gaming service;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 20.000.000.000VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ
11	<p>Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo <i>Nguyen Bao Digital Company Limited</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 73/17 Trần Khánh Dư, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng <i>Address: 73/17 Tran Khanh Du, My An Ward, Ngu Hanh Son District, Da Nang City</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến; <i>Main business lines: Operate and distribute games online;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 10.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ
12	<p>Công ty TNHH Trung Tâm Dữ Liệu VNG <i>VNG Data Center Company Limited</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tòa nhà SBI, Công Viên Phần Mềm Quang Trung, đường số 3, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. <i>Address: SBI building, Quang Trung Software City, street 3, Tan Chanh Hiep, District 12, Ho Chi Minh City, Vietnam.</i> - Lĩnh vực kinh Doanh chính: tư vấn máy tính và hệ thống quản lý máy tính; <i>Main business lines: consultation of computer and computer system management;</i> - Vốn điều lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 5.000.000.000 VNĐ. - Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate</i>: 100% vốn điều lệ.

b) Công ty liên kết/*Associated companies*:

TT	Thông tin công ty
1	<p>Công ty All Best Asia Group Limited</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Rm 1902, Easey Commercial Building, 253-261 Hennessy Road, Wanchai, Hong Kong. - <i>Address: Rm 1902, Easey Commercial Building, 253-261 Hennessy Road, Wanchai, Hong Kong.</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thiết kế phần mềm; <i>Main business area: Software design;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 14.684.400.000 VNĐ. - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownship rate</i>: 50% vốn điều lệ.
2	<p>Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn/ <i>Thanh Son Communication Services Trading Company</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Tầng 12A-14, Tòa nhà Văn phòng 165, Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội; <i>Address: 12Ath -14th floor, Office Building, 165 Thai Ha, Lang Ha Ward, Dong Da District, Ha Noi City;</i> - Lĩnh vực kinh doanh chính: kinh doanh thẻ trò chơi và điện thoại trả trước; <i>Main business lines: game card and prepaid mobiphone card;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 3.000.000.000 VNĐ. - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 49% vốn điều lệ.
3	<p>Công Ty Cổ phần Ti Ki/Ti Ki Corporation</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 29/1 Đường số 4, Khu phố 3, Phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Address: 29/1 Street 4, Quarter 3, Binh Khanh Ward, District 2, Ho Chi Minh City</i> - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet; <i>Main business lines: Retailing per order via post or internet;</i> - Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital</i>: 384.408.029.201 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu/ <i>Ownership rate</i>: 38%

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công Ty/ *Main objectives of the Company:*

Phát triển thành công ty internet hàng đầu tại Việt Nam và khu vực châu Á.

To become a successful internet company in Vietnam and Asia.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term:*

Trong những năm sắp tới, bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Công Ty sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm mới để phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dùng. Công Ty cũng sẽ đồng thời tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mang tính sáng tạo và giáo dục cao nhằm tạo ra các giá trị tích cực cho người dùng; điều chỉnh tỷ trọng cơ cấu doanh thu theo hướng đa dạng hoá sản phẩm phục vụ trong nước và xuất khẩu nhằm từng bước phấn đấu đưa VNG trở thành công ty internet hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Châu Á.

In the years onward, together with traditional products, the Company will continue to develop more new products to better serve the customers' need. The Company will also concentrate on research to develop the creative and educative products to bring positive values for customers; adjust revenue structure in a way of varying products for domestic and international services to make VNG become the Top Internet Company in Viet Nam and Asia.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công Ty/ *Objectives to environment, society and community sustainability of the Company:*

Với việc xác định sứ mệnh phát triển của công ty là “Phát triển Internet để thay đổi cuộc sống người Việt Nam”, VNG đã có nhiều hoạt động thường niên hướng đến môi trường, xã hội và cộng đồng bên cạnh việc tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển những sản phẩm thuần Việt. Mục tiêu của các hoạt động vì cộng đồng năm 2017 được xác định như sau:

The Company's developing mission is “Developing the Internet to change Vietnamese lives”, VNG has lots of annual activities toward environment, society and community besides concentrating on investing and researching, developing Vietnamese products. Activities' targets for community in 2017 was determined as following:

- 1- Thực hiện chuỗi chương trình thường niên “Đưa Internet về làng” nhằm tạo thêm cơ hội được tiếp cận máy tính cho thầy cô, học sinh vùng xa./ *Conducting an annual programs “Dua Internet ve lang” to give more opportunities to approach the computer for teachers, students in far area.*
- 2- Trao học bổng cho Quỹ khuyến học các trường học nằm trong những địa phương đang còn nhiều khó khăn nhằm hỗ trợ cho các em học sinh nghèo học giỏi phấn đấu hơn trong học tập.
Awarding scholarships to Encouragement Study Fund for some local schools which is still in difficulty to support poor students to strive more in study.
- 3- Thực hiện chương trình trao quà Tết đến các gia đình chính sách, hộ nghèo.
Conducting a program of giving Tet presents to the low-income families and poor households.
- 4- Tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện của các quỹ từ thiện nhằm đồng hành với những hoạt động thiện nguyện hướng đến những đối tượng khó khăn cần được sự hỗ trợ.
Sponsoring for nonprofit activities of charity funds to travel with non-profit activities toward difficult people who need support.
- 5- Tổ chức những sự kiện giải trí hoặc thể thao nhằm tạo điều kiện cho giới trẻ Việt Nam được tiếp cận với những sự kiện mang tính thách thức cũng như được thỏa sức sáng tạo.
Organizing entertainment or sport events for Vietnamese youth to approach many challenging and creative events.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG mong muốn phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững. Bên cạnh đó, tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam được trải nghiệm những thách thức cũng như tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG wishes to develop education by using the Internet, to contribute a sustainable development of our country. Besides, we

also create an environment for Vietnamese youth to experience challenges as well as freely create, connect to society.

5. Các rủi ro/ *Risks*:

Một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty:

Risks probably affect Company's business operation:

- Rủi ro từ việc rò rỉ thông tin/ *Risks in information leakage;*
- Rủi ro từ việc thay đổi chính sách về đầu tư và phát triển;
Risks in changes in policy of investment and development;
- Rủi ro từ việc thay đổi chính sách về quản lý hoạt động Internet;
Risks in changes in policy of Internet operating;

- Rủi ro về thay đổi môi trường/ *Risks in environmental change*

Tuy môi trường không phải là yếu tố tác động trực tiếp đến việc kinh doanh của công ty nhưng sự biến đổi của nó đang gây ra những thiệt hại đến việc vận hành của VNG. Hàng năm, VNG phải chi nhiều chi phí liên quan đến việc bảo dưỡng, bảo trì máy móc bị ăn mòn, hư hỏng do tác động của thiên nhiên. Hiện tượng mưa bão lũ, triều cường cũng ảnh hưởng đến hoạt động của nhân viên VNG.

While the environment does not have a direct impact on the business of the company, its variability is damaging to VNG's operation. Every year, VNG has to spend a lot of expenses related to the maintenance of corroded and damaged machinery due to environmental impacts. The phenomenon of rainstorms, flood tide also affect the operation of VNG staff.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Results of business operations in the year:*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.266.951.013.745	3.023.172.627.457
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(32.563.365)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	4.266.951.013.745	3.023.140.064.092
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(1.867.162.717.502)	(1.305.295.644.439)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.399.768.296.243	1.717.844.419.653
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	131.406.408.653	76.681.298.339
22	7. Chi phí tài chính	25	(951.198.533)	(3.227.906.205)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(122.339.087.695)	(89.707.991.184)
25	9. Chi phí bán hàng	27	(764.421.953.907)	(520.356.210.128)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(450.317.500.600)	(368.284.470.740)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.193.144.964.161	812.949.139.735
31	12. Thu nhập khác	26	2.570.392.528	9.771.948.487
32	13. Chi phí khác	26	(37.546.407.265)	(148.996.304.195)
40	14. Lỗ khác	26	(34.976.014.737)	(139.224.355.708)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.158.168.949.424	673.724.784.027
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(220.513.471.990)	(147.542.303.864)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	523.969.280	17.283.955.250
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		938.179.446.714	543.466.435.413
61	19. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		938.118.053.651	543.030.398.916
62	20. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	23	61.393.063	436.036.497
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	39.704	23.063
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	36.087	21.157



Nguyễn Mạnh Toàn
Người lập



Lê Trung Tín
Kê toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 2 năm 2018

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Actual progress against the plan:*

Đơn vị: Đồng/ Unit: Dong

Chỉ tiêu Items	Thực hiện Actual	Kế hoạch Budgeted
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	4.266.951.013.745	3.959.523.881.917
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Accounting profit before tax</i>	1.158.168.949.424	908.249.917.245
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN <i>Net profit after tax</i>	938.179.446.714	726.599.933.793

2. Tổ chức và nhân sự/ *Organization and Human resource*

2.1. Ban điều hành Công Ty gồm: Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp và Kế Toán Trưởng, với các thông tin chi tiết sau:/ *Management: Chief Executive Officer, Vice President, Chief Financial Officer, Corporate Development Director, Chief Accountant, with following informations:*

i. Tổng Giám Đốc/ *Chief Executive Officer*

- Họ và tên/ *Full name:* Lê Hồng Minh/ *Le Hong Minh*
- Giới tính/ *Sex:* Nam/ *Male*
- Ngày sinh/ *Date of birth:* 27/09/1977
- Nơi sinh/ *Place of birth:* Hà Nội
- CMND: 023161875; ngày cấp: 18/07/2009; nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
ID Card: 023161875; Date of issue: 18/07/2009; Place of issue: Ho Chi Minh City
- Địa chỉ thường trú: 1805 B khu căn hộ Hùng Vương, số 126 Hùng Vương, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Residential address: 1805B Hung Vuong Plaza, No.126 Hung Vuong Street, Ward. 12, Dist. 5, Ho Chi Minh City

- Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Đại học/*University*
 - Chức vụ công tác hiện nay/*Title*: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc/*Chairman of BOD cum CEO*.
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/*Ownership rate*: 15.31 %
- ii. Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính/ *Chief Financial Officer*
- Họ và tên/ *Full name*: Shen Hao
 - Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Male*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 27/11/1974
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Trung Quốc/ *China*
 - Hộ chiếu số: KJ0317934; ngày cấp: 30/10/2013; nơi cấp: Hong Kong
ID Card: KJ0317934; Date of issue: 30/10/2013; Place of issue: Hong Kong
 - Địa chỉ thường trú: Hong Kong/ *Residential Address: Hong Kong*
 - Trình độ chuyên môn: Cao học/ *Qualifications: Master's degree*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 1.79%
- iii. Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực/ *Executive Vice President*
- Họ và tên/ *Full name*: Vương Quang Khải/*Vuong Quang Khai*
 - Giới tính/ *Sex*: Nam/*Male*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 17/8/1979
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Nội /*Hanoi*
 - CMND: 001079000218; ngày cấp: 01/02/2013; nơi cấp: Công an Hà Nội
ID Card: 001079000218; Date of issue: 01/02/2013; Place of issue: Ha Noi Police.
 - Địa chỉ thường trú: 22 Ngõ 2 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Residential address: 22 Alley 2 Le Van Huu St., Ngo Thi Nham Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city, Viet Nam.
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Cao học/*Master's degree*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 1.20%
- iv. Phó Tổng Giám Đốc Vận Hành/ *Vice President of Operation*
- Họ và tên/ *Full name*: Nguyễn Hoàn Tiến/*Nguyen Hoanh Tien*
 - Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Male*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 06/05/1975

- Nơi sinh/ *Place of birth*: Hà Nội/*Hanoi*
 - CMND: 011753243; ngày cấp: 17/09/2013; nơi cấp: Công an Hà Nội
ID Card: 011753243; Date of issue: 17/09/2013; Place of issue: Ha Noi Police.
 - Địa chỉ thường trú: Hà Nội, Việt Nam/ *Residential address: Ha Noi, Viet Nam*
 - Trình độ chuyên môn/*Qualifications*: Cao học/*Master's degree*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate: 0.00%*
- v. Phó Tổng Giám Đốc/ *Vice President*
- Họ và tên/ *Full name*: Huỳnh Mỹ Loan
 - Giới tính/ *Sex*: Nữ/ *Female*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 21/8/1973
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City*
 - CMND số: 023280563; ngày cấp: 26/08/2013; nơi cấp: CA. HCM
 - *ID Card: 023280563; Date of issue: 26/08/2013; Place of issue: Police Ho Chi Minh*
Địa chỉ thường trú: 553/4 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Residential address: 553/4 Tran Hung Dao St., District 1, Ho Chi Minh City
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Đại học/*University*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate: 0.06%*
- vi. Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp/ *Corporate Development Director*
- Họ và tên/ *Full name*: Thomas Loc Herron
 - Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Male*
 - Ngày sinh/ *Date of birth*: 19/9/1971
 - Nơi sinh/ *Place of birth*: Đà Nẵng
 - Hộ chiếu số: 505889285; ngày cấp: 24/10/2014; nơi cấp: Hoa Kỳ
ID Card: 505889285; Date of issue: 24/10/2014; Place of issue: America
 - Địa chỉ thường trú: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/ *Address: 225 Ben Chuong Duong St., Co Giang Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City*
 - Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Cao học/*Master's degree*
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate: 0.00%*

vii. Kế Toán Trưởng/ *Chief Accountant*

- Họ và tên/ *Full name*: Lê Trung Tín
- Giới tính/ *Sex*: Nam/ *Male*
- Ngày sinh/ *Date of birth*: 20/03/1985
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Hồ Chí Minh
- CMND số: 023755867; Ngày cấp: 21/04/2015; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
ID Number: 023755867; Date of issue: 21/04/2015; Place of issue: Ho Chi Minh City.
- Địa chỉ thường trú: 283/12/1B Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh
Residential address: 283/12/1B Bong Sao Street, Ward 5, District 8, Ho Chi Minh City.
- Trình độ chuyên môn/ *Qualifications*: Cao học/ *Master's degree*
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/ *Ownership rate*: 0.00%

Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in Senior Management team*: Không/ *No*.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ *Investment activities, project implementation*

- Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: chủ yếu là đầu tư mua sắm tài sản cố định/ *mainly for buying fixed assets*.
- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, affiliates*:

STT	Tên công ty/ <i>Company</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Possessive rate</i> (%)	Giá trị đầu tư <i>Investments</i> (VNĐ)	Lợi nhuận/Lỗ <i>Profit/ Loss</i> (VNĐ)
1	Công ty TNHH một thành viên công nghệ và phần mềm ViNa <i>VINA Technology & Software One Member Company Limited</i>	100	61.140.000.000	19.254.449.938
2	Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG/ <i>VNG Software Development Company Limited</i> phần mềm VNG/VNG <i>Software Development Company Limited</i>	100	60.000.000.000	227.324.597.429

3	Công ty cổ phần dịch vụ - dữ liệu công nghệ thông tin Vi Na/ <i>Vi Na Data Information Technology –</i>	99,94	187.100.000.000	111.888.467.768
4	Công ty cổ phần dịch vụ mạng Vi Na/ <i>VI NA Services Joint Stock Company</i>	99,5	124.073.818.913	(1.104.146.916)
5	Công ty Cổ Phần Zion <i>Zion Joint Stock Company</i>	99,98	90.075.000.000	(21.006.773.971)
6	Công ty cổ phần công nghệ EPI <i>EPI Technologies Joint Stock Company</i>	100	51.444.674.903	65.593.594.620
7	Công ty TNHH VNG Online <i>VNG Online Company Limited</i>	100	1.000.000.000	13.334.714.641
8	All Best Asia Group Limited	50	14.684.400.000	95.458.948
9	Công ty TNHH thương mại dịch vụ truyền thông Thanh Sơn <i>Thanh Son Communication Services Trading Company Limited</i>	49	1.470.000.000	6.948.555.017
10	Công ty TNHH truyền thông Minh Phương Thịnh <i>Minh Phuong Thinh Communication Company Limited</i>	100	6.000.000.000	61.794.518.261
11	VNG Singapore Pte. Ltd	99,94	149.607.935.000	(365.471.229)
12	Công ty TNHH Giải Trí Long Đình/ <i>Dragon Top Entertainment Company Limited</i>	100	20.000.000.000	22.905.540.467
13	Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyễn Bảo <i>Nguyen Bao Digital Company Limited</i>	100	10.000.000.000	28.814.990.369

14	Công Ty cổ phần trực tuyến BP <i>BP Corporation</i>	100	500.000.000	112.632.456
15	Công ty TNHH Trung tâm tự liệu <i>VNG / VNG Data Center</i>	100	5.000.000.000	226.981.153
16	Công ty cổ phần Tiki <i>Tiki Joint Stock Company</i>	38	384.408.029.201	(282.224.943.713)

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

4.1. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2016	Năm/Year 2017	Tăng /Giảm Change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	3.507.764.866.065	4.300.368.969.986	792.604.103.921
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	3.023.140.064.092	4.266.951.013.745	1.243.810.949.653
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	812.949.139.735	1.193.144.964.161	380.195.824.426
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(139.224.355.708)	(34.976.014.737)	104.248.340.971
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	673.724.784.027	1.158.168.949.424	484.444.165.397
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	543.466.435.413	938.179.446.714	394.713.011.301
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,19	0,27
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,15	0,22
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,27	0,28
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, changes in the owner's equity:*

5.1. Cổ phần/ *Shareholder:*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 26.257.974 cổ phần, trong đó:

Total outstanding shares: 26.257.974 shares, including:

- ✓ Cổ phần phổ thông/ *Ordinary shares: 26.257.974*
- ✓ Cổ phần ưu đãi biểu quyết/ *Voting Preference shares: 0*
- ✓ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/ *freely transferable shares: 24.560.959*
- ✓ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng/ *locked-up shares: 1.697.015*

5.2. Cơ cấu cổ đông/ *Shareholder's structure*

TT	Tiêu chí/Criteria	Số lượng cổ phần <i>Amount of shares</i>	Tỷ lệ sở hữu <i>Possessive rate (%)</i>
1	Cổ đông lớn/ <i>Major shareholders</i>	24.540.037	72,77
	Cổ đông nhỏ/ <i>Minor shareholders</i>	1.717.937	5,09
2	Cổ đông tổ chức/ <i>Organization shareholders</i>	17.513.985	51,94
	Cổ đông cá nhân/ <i>Individual shareholders</i>	8.743.989	25,93
3	Cổ đông trong nước/ <i>Domestic shareholders</i>	10.494.255	31,12
	Cổ đông nước ngoài/ <i>Foreign shareholders</i>	15.763.719	46,75
4	Cổ đông nhà nước/ <i>Governmental shareholders</i>	0	0
	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	26.257.974	77,87

- 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital investments changes:*
 Các đợt tăng vốn cổ phần trong năm 2017/ *Capital increaseses in 2017:*

Thời gian <i>Time</i>	Nội dung tăng <i>Content</i>	Vốn cổ phần (VNĐ) <i>Share capital (VNĐ)</i>
13/9/2017	Tăng vốn theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động <i>Increasing capital according to the plan to issue shares to employee</i>	337.220.560.000

- 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 7.464.082 cổ phiếu
Trade treasury share: number of current treasury shares: 7.464.082 shares.

Thời điểm thực hiện giao dịch <i>Trading time</i>	Giá giao dịch bình quân <i>Average Price</i>	Đối tượng giao dịch <i>Counter parties</i>
19/05/2017 đến 25/05/2017 <i>19/05/2017 to 25/05/2017</i>	332.603 VNĐ/ cổ phiếu <i>332.603 VNĐ/ Share</i>	VNG mua lại cổ phiếu từ các cổ đông. <i>VNG re-buy shares from shareholder</i>

- 5.5. Các chứng khoán khác/ *Others share:* Không có/ *Not applicable.*
 Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác: không có.
Number, a feature of others floating share and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers): Not applicable.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

- 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:* Không có/ *Not applicable*
 a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for*

the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

- b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly: 2.766.280 Kwh*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy: Không/ Not applicable.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: Không/ No.*

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year): Công ty chỉ sử dụng nước cho sinh hoạt của nhân viên/ The Company only provide water for staff.*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used: Không/ Not applicable.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused: Không/ Not applicable.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không/ No.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không/ No*

7. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

7.1. Số lượng người lao động/ *Quantity of Labour:*

Trình độ <i>Level</i>	Số lượng (người) <i>Quantity (people)</i>	Tỷ lệ (%) <i>Rate (%)</i>
Trên đại học/ <i>Post university</i>	124	6%
Đại học/ <i>University</i>	1798	87%
Cao đẳng, trung cấp/ <i>College</i>	103	5%
Khác/ <i>Others</i>	41	2%
TỔNG CỘNG/ <i>TOTAL</i>	2067	100%

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2017: **14.100.000 VNĐ**/người/tháng.
Per capita income in 2017: VND 14,100,000/person/month.

7.2. Chính sách lao động/ *Employee's policies:*

VNG không ngừng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua việc xây dựng và củng cố văn hoá doanh nghiệp của Công Ty, tạo động lực tốt cho người lao động cống hiến, gắn bó dài lâu vì sự phát triển của Công Ty, thể hiện qua các chính sách của Công Ty:

VNG always improves the environment, working conditions to enhance the physical and spirit life for VNG workforce through constructing and consolidating the Corporate Culture, making a great motivation to dedicate and have strong relationship for the development of Company, which are expressed in Company's policies:

Chính sách đãi ngộ: Chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí bình đẳng, minh bạch và tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.

Compensation policy: this policy was based on basis of equality, transparency and deserved with the results and quality of work.

Từ năm 2013, VNG đã thực hiện chính sách đãi ngộ mới, đảm bảo 100% người lao động biết được chế độ khen thưởng của Công Ty, mức khen thưởng của mình dựa trên kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

Since 2013, VNG has applied a new compensation policy, 100% employee knew about award policy of the Company, bonus level of each individual to motivate and encourage each individual.

Hệ thống đãi ngộ VNG được phân thành 4 loại, gồm: / *VNG's compensation system is classified into 4 groups:*

- Lương: lương sản xuất, kinh doanh (12 tháng); lương tháng 13 được thưởng vào dịp tết Nguyên Đán;
Salary: production salary, business salary (12 months); the 13rd month salary on Tet holidays;
- Phụ cấp: phương tiện vận chuyển, chi phí điện thoại, thiết bị truy cập không dây, phụ cấp kiêm nhiệm.
Allowances: vehicles, mobile expenses, wireless devices, functional allowances and more.
- Thưởng: theo hiệu quả kinh doanh, thành tích thực hiện dự án/công việc; thưởng vào dịp thành lập Công Ty;
Bonus: depend on business results, achievements of projects/ jobs; bonused on the foundation day of Company;
- Phúc lợi xã hội: Bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động và người thân; khám sức khỏe định kỳ và chế độ nghỉ mát, xây dựng đội nhóm.
Social welfare: Social/ health/ unemployment insurances, health/ accident insurance for staffs and relative; periodical health care and teambuilding policy.

Chính sách thăng tiến: VNG luôn chú trọng đến chính sách thăng tiến nhằm tạo điều kiện cơ hội, môi trường và chế độ cho các nhân sự tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của người lao động tiềm năng đã được ban hành và duy trì thực hiện tốt như: chính sách quy hoạch nhân sự nòng cốt; chính sách luân chuyển lãnh đạo; chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch.

Promotion policy: VNG concentrates on promotion policy to make opportunities, environment for potential personnel. A wide range of promotion policies was promulgated

and remained such as core member policy; alternating manager policy; appointment, dismissal equally and transparently.

Bên cạnh đó, VNG còn xây dựng các chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng và khen thưởng tương xứng với người phát hiện, giới thiệu thành công các vị trí nhân sự phù hợp.

Besides, VNG forms policies on finding, attracting, training, compensating deservedly for talent individual and awards for those who found them.

Chính sách đào tạo: thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo. VNG khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc mà còn qua đào tạo, tự đào tạo, trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc VNG có riêng một Bộ phận phát triển đào tạo chuyên nghiên cứu, thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ và nhân viên. VNG khuyến khích các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo nội bộ. Cán bộ nhân viên khi tham gia các chương trình đào tạo được Công Ty tài trợ toàn bộ chi phí học tập, tài liệu, đi lại và ăn ở.

Training policy: usually holding the training and re-training programs. VNG encourages and provides best conditions for staff to develop completely professional qualifications and soft skills not only in working but also in training, self – training, knowledge exchanging. This shows that VNG has Development Training Department to research, hold the train and re-train programs to enhance the managing qualifications professionals. VNG encourages the outsource training and internal self-training programs. Staff is sponsored studying, including document, traveling and accommodation expense.

Một số chương trình đào tạo chính của VNG/ *Some of VNG's training programs:*

- Đào tạo định hướng cho người lao động mới: 100% nhân viên mới gia nhập Công Ty được tham gia khóa đào tạo định hướng nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của VNG.

Orientation training for new staff: 100% new staff are joined the orientation training to get familiar with the work and understand core value of Company.

- Đào tạo công nghệ: thường xuyên tổ chức đào tạo, cập nhập từng xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo.

Technology training: often training, updating new technology trend, training staff to take high technology certificates test on top technology for tech staff to enhance the professional skills and creativity.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: chú trọng và khuyến khích nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc.

Specialization training: concentrating and encouraging staff to be trained higher level of professional knowledge, specialization skills to adapt the job requirements.

- Đào tạo kỹ năng bổ sung: 100% nhân viên được khuyến khích tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm và ngoại ngữ để kịp thời đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập.

Supplementary skill training: 100% staff are encouraged to join soft skill and language training to adapt global development and integration.

- Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: ưu tiên nguồn lực để đào tạo nhân sự nòng cốt trở thành lực lượng quản lý lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển của toàn tập đoàn.

Training the next generation: Prioritizing resources to train employees to become the core management forces, to serve the development needs of the Company.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

Report and assessment of the Senior Management Team

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results:*

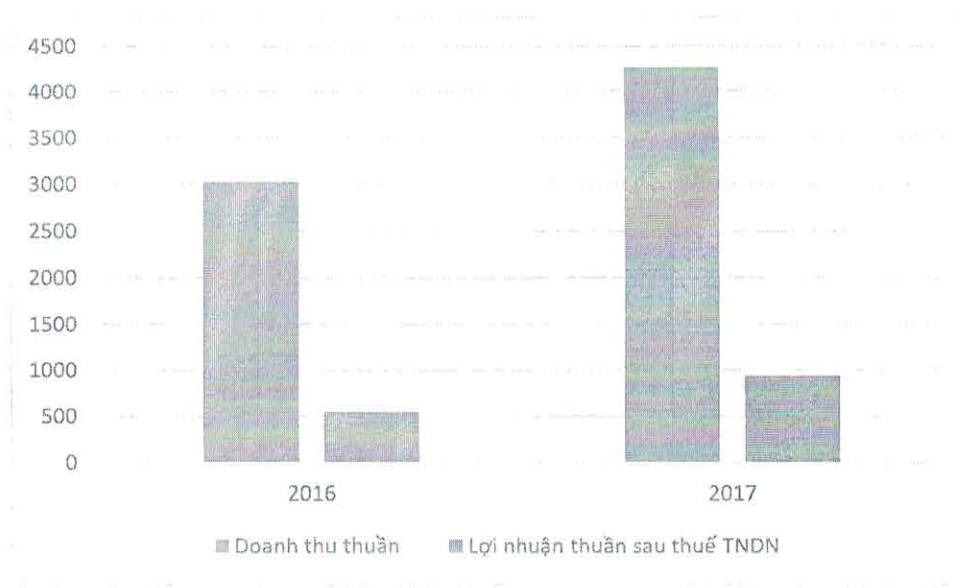
Với tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều biến động trong năm qua, VNG đã có nhiều nỗ lực và đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Through fluctuating economic status of the world and Vietnam for years, VNG has made lots of effort and achieved business operation results as follow:

Đơn vị: tỷ đồng/ *Figures in: Billion Dongs*

CHỈ TIÊU TARGET	2016	2017	So sánh năm 2017 và 2016 Compare between 2017 and 2016 Tăng/Giảm /Increase/Decrease (%)	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.023	4.267	1.245	29%

<i>/Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>				
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	1.717	2.400	682	28%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Accounting profit before tax</i>	674	1.158	484	42%
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	544	938	394	42%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ/ <i>Net profit (loss) after tax attributable to non-controlling interests</i>	543	938	395	42%



Những tiến bộ Công Ty đã đạt được/ *The Company's achievements:*

- Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực./ *Build and operate management system, assess and develop human resources.*
- Đầu tư nghiên cứu phát triển vận hành sản xuất và phát hành trò chơi (game) ra thị trường quốc tế.
Invest in developing operation – manufacturing and delivery game to international market.
 - Trò chơi Sky Garden: nhận giải thưởng “Game được cộng đồng yêu thích nhất - People’s Choice Award” tại sự kiện IMGA Global (International Mobile Gaming Awards) toàn cầu (02/2017).
Game Sky Garden: received People’s Choice Award at IMGA (International Mobile Gaming Awards), in Global (02/2017).
 - Lần đầu tiên giới thiệu trò chơi Dead Target phiên bản thực tế ảo (VR) tại sự kiện Google Daydream/ Tango Code Lab (02-2017).
First introduced “Dead Target” - Virtual Reality (VR) game at Google Daydream / Tango Code Lab (02-2017).
 - Trò chơi Dead Target VR nhận giải thưởng “Thành tựu công nghệ tốt nhất” tại Lễ trao giải trò chơi di động quốc tế - International Mobile Gaming Awards Southeast Asia (IMGA SEA) (10/2017).
“Dead Target” =VR received the “Best Technology Achievement Award” at the International Mobile Gaming Awards (IMGA SEA) (10/2017).
- Định vị thành công một số các thương hiệu lớn cho sản phẩm Công Ty gồm các dòng sản phẩm nội dung số, giải trí trực tuyến và Ứng dụng nhắn tin & gọi điện miễn phí.
Successfully found new strong brands include digital content, entertainment and message application to provide free messages and calls.
 - Công ty Cổ phần Zion – Thành viên của VNG gia nhập Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (7/2017).
Zion Joint Stock Company - Member of VNG joined the Vietnam Bankers Association (7/2017).
 - ZaloPay kí kết hợp tác với Dcorp R-Keeper Vietnam, chính thức gia nhập Hệ sinh thái Công nghệ chuyên nghiệp cho lĩnh vực Nhà hàng (12/2017).

Salvage and flexible in coordinating financial sources between member companies in order to optimize benefits.

- Góp mặt và chia sẻ những số liệu, công nghệ, sản phẩm mới do VNG nghiên cứu và phát triển tại các sự kiện, diễn đàn lớn, uy tín trong ngành Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT-TT) như:

Contribute and share new data, technologies and products developed and researched by VNG at major events and forums in the Information and Communication Technology (ICT) sector:

- Triển lãm và hội nghị quốc tế về CNTT-TT (Communic Asia 2017) tại Singapore.
International Exhibition and Conference about ICT (Communic Asia 2017) at Singapore.
- Diễn đàn cấp cao về CNTT-TT (ICT Summit 2017).
High-level forum about ICT (ICT Summit 2017).
- Triển lãm Quốc tế về Sản phẩm, Dịch vụ Viễn thông, CNTT-TT (Vietnam ICTComm 2017).
An international exhibition about telecommunication product and service, ICT (Vietnam ICTComm 2017).
- Diễn đàn Đầu tư ngành CNTT-TT Việt Nam (VIF 2017).
Investment forum for ICT sector in Vietnam (VIF 2017).
- Ngày Internet Việt Nam.
(Vietnam Internet Day 2017).
- Hội chợ trò chơi quốc tế Thái Lan.
(Thailand Game Big Show Festival 2017).

- VNG ký Bản ghi nhớ (MoU) với Sàn chứng khoán NASDAQ về việc dự kiến niêm yết trên NASDAQ (5/2017).

VNG signed Memorandum of Understanding (MoU) with NASDAQ Stock Exchange for listing on NASDAQ (05/2017).

- VNG Ironman 70.3 Việt Nam: VNG là nhà tài trợ chính năm thứ 3 liên tiếp. Sự kiện thu hút số lượng vận động viên kỷ lục với 1.400 thí sinh đại diện cho 60 quốc gia (trong đó 400 VĐV Việt Nam).

VNG Ironman 70.3 Vietnam: VNG was the main sponsor for the 3rd consecutive years. The event attracted a record number of athletes with 1,400 candidates representing 60 countries (400 Vietnamese athletes among them).

- VNG được VINASA bình chọn trong top 50 doanh nghiệp Công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam 2017.
VNG was voted to be on the top of 50 best Information Technology enterprises in Vietnam in 2017.

- VNG vào Top 11 doanh nghiệp Dịch vụ thông tin – truyền thông quy mô lớn nhất Việt Nam theo VNR500 (12/2017).
VNG was in top 11 largest Information and Communication Enterprises in Vietnam according to VNR500 (12/2017).

- VNG được Forbes xếp hạng trong danh sách 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (7/2017)
VNG is ranked in top 40 most valuable brands in Vietnam by Forbes (07/2017).

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

2.1. Tình hình tài sản và nợ phải trả/ *Assets and Liabilities*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		822.233.546.312	626.623.470.298
310	I. Nợ ngắn hạn		811.715.229.347	616.436.399.229
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	234.729.004.475	93.241.053.775
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.218.876.291	1.744.730.515
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	155.734.874.147	124.045.895.228
314	4. Phải trả người lao động		2.458.308.371	1.981.121.631
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	339.490.826.109	358.888.021.709
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	30.538.920.814	15.535.883.190
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	39.544.419.140	20.999.693.181
330	II. Nợ dài hạn		10.518.316.965	10.187.071.069
337	1. Phải trả dài hạn khác		342.000.000	265.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28,3	2.109.374.800	1.590.312.420
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	8.066.942.165	8.322.758.649
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.478.135.423.674	2.881.141.395.767
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.478.135.423.674	2.881.141.395.767
411	1. Vốn cổ phần	22,1	337.220.560.000	330.902.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22,1	510.172.070.853	504.346.370.853
415	3. Cổ phiếu quỹ	22,1	(2.008.645.483.168)	(1.653.804.409.468)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22,1	14.536.922.739	15.045.227.846
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22,1	4.621.908.311.205	3.683.790.257.554
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.683.790.257.554	3.139.993.115.181
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay		938.118.053.651	543.797.142.373
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	943.042.045	861.648.982
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.300.368.969.986	3.507.764.866.065

Nguyễn Mạnh Toàn
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management: Không/Not applicable.*

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...):*

Nhìn chung, Công Ty đã tích cực hạn chế lãng phí điện, nước, nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường/ *The Company generally have positively limited wasting in electricity, water and raising awareness of employees about energy-saving for environmental protection.*

b) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Một trong những sứ mệnh của Công Ty là thay đổi cuộc sống người Việt, Công Ty luôn xem trách nhiệm với cộng đồng và hướng Người VNG có trách nhiệm với cộng đồng qua những hoạt động mà Công Ty đồng hành. Một vài sự kiện tiêu biểu như sau/ *One of Company missions is to change Vietnamese lives, VNG always take it seriously responsibility with the Community and encourage VNG people to take responsibility to the Community that we live in through lots of activities and events to name a few:*

- **Tháng 11, 2017/ November, 2017:**

Chương trình Áo ấm cho em: VNIF tài trợ 600 áo ấm, 7 sân rửa và bồn chứa nước cho 7 trường tại Chế Là, Xin Mần, Hà Giang.

“Warm Clothes for Children” Program: Vietnam Internet User Community Foundation (VNIF) sponsored 600 warm clothes, 7 wash basins, and water tanks for 7 schools in Che La, Xin Man, Ha Giang.

Chương trình Cứu trợ xã Xà Hồ: VNIF trao tặng 283 phần quà bao gồm áo ấm, mũ len, tất và đồ dùng học tập cho các em học sinh trường Tà Ghênh xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

“Aids to Xa Ho” Program: VNIF donated 283 gifts including warm clothes, woolen hats, socks and school supplies for Ta Gai students at Xa Ho commune, Tram Tau district, Yen Bai province.

Chương trình Cứu trợ bão lũ miền Trung: VNIF trao tặng 2 tấn gạo, 2 xuồng cứu hộ, 12 phao cứu sinh và 400 phần nhu yếu phẩm và tiền mặt cho bà con xã Duy Trinh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

“Aids for the flooded area”, VNIF donated 2 tons of rice, 2 lifeboats, 12 life vests and 400 pieces of necessary yield and cash to Duy Trinh town, Dai Loc district, Quang Nam province.

- Tháng 10, 2017/ October, 2017

VNIF cùng VNG trao tặng số tiền 209.022.299 VNĐ, tương đương với hơn 40 nụ cười cho quỹ Operation Smile để phẫu thuật cho các em nhỏ bị hở hàm ếch.

VNIF and VNG donated VND 209,022,299, equivalent to more than 40 smiles for Operation Smile fund to provide surgery for children with cleft palate.

VNG cùng VNIF trao tặng 328.030.000 VNĐ cho quỹ New Born Vietnam, số tiền là kết quả quyên góp từ giải chạy VNG Up Race dành cho toàn thể thành viên nhân dịp sinh nhật VNG12+1.

VNG and VNIF donated VND 328,030,000 to the New Born Vietnam Fund, the sum of money collected from VNG Up Race, which is for all members for VNG12 + 1 birthday.

- Tháng 9, 2017/ September, 2017

Chương trình Đưa Internet về làng - VNIF trao tặng: *“Bring the Internet to town” program – VNIF donated:*

10 bộ máy tính cho Bộ Tư lệnh Hải quân./ *10 sets of computer to Naval Command.*

10 bộ máy tính cho Hội nông dân các tỉnh miền Bắc tại Tòa soạn tạp chí Nông thôn mới./ *10 sets of computers to the Farmers Association of the North at “The New Rural” Magazine.*

Phối hợp cùng Quỹ vì trẻ em trao tặng 10 bộ máy vi tính cho trường học tại tỉnh Thái Bình./ *Coordinated with the Fund for Children to sponsored 10 sets of computers to schools in Thai Binh province.*

- **Tháng 8, 2017/ August, 2017**

Chương trình Đưa Internet về làng - VNIF trao tặng 30 máy tính cho Hội nông dân một số tỉnh tại Toàn soạn tạp chí Nông thôn mới khu vực phía Nam.

“Bring the Internet to town” program – VNIF sponsored 30 sets of the computer to the Farmers' Association of a number of provinces at “The New Rural” magazines in the South.

- **Tháng 7, 2017 / July, 2017**

VNIF xây tặng 02 phòng học mới, sửa chữa 13 bộ bàn ghế, trao tặng 120 bộ đồng phục học sinh, 120 áo khoác, 20 chiếc áo phao và đồ dùng, dụng cụ học tập với tổng kinh phí hơn 60.000.000 đồng cho các em nhỏ thuộc xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, Lâm Đồng.

VNIF built 02 new classrooms, fixed 13 sets of tables and chairs, donated 120 school uniforms, 120 jackets, 20 life jackets and study facilities with a total cost of more than 60,000,000 VND for children in Phi Lieng commune, Dam Rong district, Lam Dong.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công Ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation:*

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế vĩ mô, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đã giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban tổng giám đốc trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm và kiên định mục tiêu giữ vững tốc độ tăng trưởng cho Công Ty. Kết thúc năm tài chính 2017, tổng doanh thu của VNG đạt 4.266.951.013.745 tỷ đồng.

In the economic crisis context, the Board of Directors has supervised and combined closely together with the Senior Management team in business activities from the beginning of the year and steadfast developing speed. At the end of the financial year 2017, VNG's total revenue is 4,266,951,013,745 billion Dongs.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG đã đạt được mục tiêu đề ra là góp phần phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững và tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG has achieved targets in contribution to developing education by the Internet, to contribute a sustainable development of our country and create an environment for Vietnamese youth to freely create, connect to society.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Ban giám đốc đã điều hành và giám sát mục tiêu, kế hoạch cho năm để tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để không chỉ hoàn thành mà còn vượt mục tiêu đã đề ra.

The Board of Directors has monitored and follow the objectives and plans for the year, to maximize the available resources and led the staff not only to complete but also over the proposed objectives.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị:

Plans, orientations of the Board of Directors:

Nằm trong lộ trình triển khai chiến lược đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động và sản phẩm nhằm sử dụng toàn bộ nguồn lực và lợi thế của một công ty internet hàng đầu tại Việt Nam, với mục tiêu tập trung quản lý để huy động sức mạnh hợp lực tối đa dựa trên nền tảng công nghệ, Công Ty đã thúc đẩy và tạo những bứt phá trong tăng trưởng sản phẩm và cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm chất lượng cao cho xã hội.

Stay in the strategic roadmap for diversification field work and products with the purpose of using the human resources and the advantages of a leading Internet company in Viet Nam, target to concentrate on managing to mobilize the maximum synergy based on technology, Corporation has promoted spectacularly in strengthening products and providing more and more good – quality products.

V. Báo cáo tài chính/ *Financial Statements*

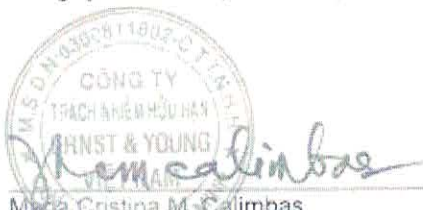
Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions*




Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1073-2014-004-1



Nguyễn Phan Anh Quốc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 2759-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 04 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER



LÊ HỒNG MINH

